

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty : Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI)  
Trụ sở chính : Tầng 15, Tòa Nhà Geleximco, 36 Hoàng cầu, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại : 04.6276 5555  
Fax : 04.6276 5556  
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hoàng Mai  
Địa chỉ: P1208, Nhà CT3C- X2 Bắc Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai,  
Hà Nội  
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0938.242888  
Fax

Loại thông in công bố:  24h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính năm quý I năm 2019

Các nội dung nêu trên được đăng tải tại trang thông tin của VNI theo đường  
dẫn:

<https://bhhk.com.vn/bao-cao-tai-chinh.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn  
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2019

**Người thực hiện công bố thông tin**



**Nguyễn Hoàng Mai**

**Tài liệu gửi kèm:**

Báo cáo tài chính năm quý I năm 2019

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 1**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

**MẪU SỐ B 01a-DNPNT**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150+190)	<b>100</b>		<b>1,399,292,048,380</b>	<b>1,560,857,895,296</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>85,805,070,527</b>	<b>107,917,551,189</b>
1. Tiền	111		55,805,070,527	107,917,551,189
2. Các khoản tương đương tiền	112		30,000,000,000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>454,324,116,748</b>	<b>435,833,184,691</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		454,641,792,800	441,279,708,427
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(317,676,052)	(5,446,523,736)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>496,690,966,406</b>	<b>648,653,646,671</b>
1. Phải thu khách hàng	131		194,408,171,672	202,005,724,924
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	140,405,528,779	152,648,147,569
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	54,002,642,893	49,357,577,355
2. Trả trước cho người bán	132		5,437,519,063	3,446,179,215
3. Các khoản phải thu khác	135	9	334,546,521,118	480,750,919,639
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(37,701,245,447)	(37,549,177,107)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>20,677,135,558</b>	<b>20,784,592,734</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	20,286,988,843	20,430,695,900
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		18,949,057,760	19,196,393,606
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		1,337,931,083	1,234,302,294
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		390,146,715	272,696,039
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	-	81,200,795
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
<b>V. Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>	<b>12</b>	<b>341,794,759,141</b>	<b>347,668,920,011</b>
1. Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	191		129,054,847,810	137,684,464,202
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		212,739,911,331	209,984,455,809
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>584,724,951,333</b>	<b>380,091,557,385</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>11,017,068,124</b>	<b>11,266,790,174</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	11,017,068,124	11,266,790,174
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7,000,000,000	7,000,000,000
1.2. Ký quỹ, ký cược khác	218.2		4,017,068,124	4,266,790,174
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5,525,955,182</b>	<b>5,561,871,067</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	5,192,788,817	5,200,348,492
<i>Nguyên giá</i>	222		22,320,355,283	21,908,355,283
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(17,127,566,466)	(16,708,006,791)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	333,166,365	361,522,575
<i>Nguyên giá</i>	228		1,750,350,000	1,750,350,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,417,183,635)	(1,388,827,425)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>566,347,117,329</b>	<b>359,108,117,329</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		233,970,681,850	55,550,000,000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		332,754,000,000	303,935,681,850
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(377,564,521)	(377,564,521)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,834,810,698</b>	<b>4,154,778,815</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,834,810,698	4,154,778,815
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1,984,016,999,713</b>	<b>1,940,949,452,681</b>

*Handwritten signature*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

**MẪU SỐ B 01a-DNPNT**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1,167,112,949,670</b>	<b>1,124,389,779,932</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,161,597,739,441</b>	<b>1,114,571,133,662</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		163,544,832,545	164,870,126,916
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	15	161,785,080,342	163,126,255,175
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		1,759,752,203	1,743,871,741
3. Người mua trả tiền trước	313		8,796,637,253	8,772,549,146
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	10,916,851,539	8,586,116,671
5. Phải trả người lao động	315		18,130,777,716	22,978,019,498
6. Chi phí phải trả	316		26,228,800	30,000,000
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	5,525,499,187	2,538,431,276
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	17	34,451,271,535	37,375,138,555
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		291,564,381	344,610,336
10. Dự phòng nghiệp vụ	329	18	919,914,076,485	869,076,141,264
10.1. Dự phòng phí, dự phòng toán học bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		502,940,999,268	474,311,275,860
10.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc nhận tái bảo hiểm	329.2	và	368,485,926,797	348,437,391,535
10.3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối	329.3		48,487,150,420	46,327,473,869
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5,515,210,229</b>	<b>9,818,646,270</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		6,000,000	6,000,000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		5,509,210,229	9,812,646,270
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>816,904,050,043</b>	<b>816,559,672,749</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>816,904,050,043</b>	<b>816,559,672,749</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		800,000,000,000	800,000,000,000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		11,285,363,693	11,263,840,112
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5,618,686,350	5,295,832,637
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1,984,016,999,713</b>	<b>1,940,949,452,681</b>

*Trang*

Nguyễn Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2019

*Mai*

Nguyễn Hoàng Mai  
Kê toán trưởng



*Dũng*

Trần Trọng Dũng  
Tổng Giám đốc



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Quý 1 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019***MẪU SỐ B 02a-DNPNT**

Đơn vị: VND

**PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 1 năm 2019	Quý 1 năm 2018 (Phân loại lại)	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2019	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2018 (Phân loại lại)
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	191,688,820,357	131,237,251,625	191,688,820,357	131,237,251,625
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	18,733,379,975	16,210,600,018	18,733,379,975	16,210,600,018
3. Thu nhập khác	13	96,186,586	114,060,482	96,186,586	114,060,482
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	181,376,760,109	128,384,886,595	181,376,760,109	128,384,886,595
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	(2,267,678,458)	1,916,176,548	(2,267,678,458)	1,916,176,548
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	30,966,596,085	23,039,594,501	30,966,596,085	23,039,594,501
7. Chi phí khác	24	12,237,565	648,732	12,237,565	648,732
8. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	430,471,617	(5,779,394,251)	430,471,617	(5,779,394,251)
9. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50)	60	344,377,294	(5,779,394,251)	344,377,294	(5,779,394,251)

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 1**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

Quý 1 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**MẪU SỐ B 02a-DNPNT**

Đơn vị: VND

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG:**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2019	Quý 1 năm 2018 (Phân loại lại)	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2019	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2018 (Phân loại lại)
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>230,217,639,855</b>	<b>170,280,503,786</b>	<b>230,217,639,855</b>	<b>170,280,503,786</b>
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		256,551,546,242	195,232,110,902	256,551,546,242	195,232,110,902
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		2,295,817,021	5,990,776,435	2,295,817,021	5,990,776,435
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		28,629,723,408	30,942,383,551	28,629,723,408	30,942,383,551
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)</b>	<b>02</b>	<b>21</b>	<b>51,509,319,945</b>	<b>52,486,060,412</b>	<b>51,509,319,945</b>	<b>52,486,060,412</b>
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		42,879,703,553	60,639,154,425	42,879,703,553	60,639,154,425
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(8,629,616,392)	8,153,094,013	(8,629,616,392)	8,153,094,013
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)</b>	<b>03</b>		<b>178,708,319,910</b>	<b>117,794,443,374</b>	<b>178,708,319,910</b>	<b>117,794,443,374</b>
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)</b>	<b>04</b>		<b>12,980,500,447</b>	<b>13,442,808,251</b>	<b>12,980,500,447</b>	<b>13,442,808,251</b>
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		12,943,407,219	13,019,877,856	12,943,407,219	13,019,877,856
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		37,093,228	422,930,395	37,093,228	422,930,395
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)</b>	<b>10</b>		<b>191,688,820,357</b>	<b>131,237,251,625</b>	<b>191,688,820,357</b>	<b>131,237,251,625</b>
<b>6. Chi bồi thường (11= 11.1 - 11.2)</b>	<b>11</b>		<b>68,718,765,988</b>	<b>55,421,177,973</b>	<b>68,718,765,988</b>	<b>55,421,177,973</b>
- Tổng chi bồi thường	11.1		68,718,765,988	55,421,177,973	68,718,765,988	55,421,177,973
<b>7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>12</b>		<b>21,140,949,295</b>	<b>19,419,576,915</b>	<b>21,140,949,295</b>	<b>19,419,576,915</b>
<b>8. Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>13</b>		<b>20,048,535,262</b>	<b>13,725,434,844</b>	<b>20,048,535,262</b>	<b>13,725,434,844</b>
<b>9. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>14</b>		<b>2,755,455,522</b>	<b>(1,474,307,296)</b>	<b>2,755,455,522</b>	<b>(1,474,307,296)</b>
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)</b>	<b>15</b>	<b>22</b>	<b>64,870,896,433</b>	<b>51,201,343,198</b>	<b>64,870,896,433</b>	<b>51,201,343,198</b>
<b>11. Tăng dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối</b>	<b>16</b>		<b>2,159,676,551</b>	<b>1,405,837,286</b>	<b>2,159,676,551</b>	<b>1,405,837,286</b>
<b>12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)</b>	<b>17</b>	<b>23</b>	<b>114,346,187,125</b>	<b>75,777,706,111</b>	<b>114,346,187,125</b>	<b>75,777,706,111</b>
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		8,874,564,892	8,052,075,546	8,874,564,892	8,052,075,546
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		105,471,622,233	67,725,630,565	105,471,622,233	67,725,630,565
<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)</b>	<b>18</b>		<b>181,376,760,109</b>	<b>128,384,886,595</b>	<b>181,376,760,109</b>	<b>128,384,886,595</b>
<b>14. LN (Lỗ) gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)</b>	<b>19</b>		<b>10,312,060,248</b>	<b>2,852,365,030</b>	<b>10,312,060,248</b>	<b>2,852,365,030</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

Quý 1 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**MẪU SỐ B 02a-DNPNT**

Đơn vị: VND

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2019	Quý 1 năm 2018 (Phân loại lại)	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2019	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2018 (Phân loại lại)
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	24	18,733,379,975	16,210,600,018	18,733,379,975	16,210,600,018
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	25	(2,267,678,458)	1,916,176,548	(2,267,678,458)	1,916,176,548
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		21,001,058,433	14,294,423,470	21,001,058,433	14,294,423,470
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	30,966,596,085	23,039,594,501	30,966,596,085	23,039,594,501
19. LN (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		346,522,596	(5,892,806,001)	346,522,596	(5,892,806,001)
20. Thu nhập khác	31		96,186,586	114,060,482	96,186,586	114,060,482
21. Chi phí khác	32		12,237,565	648,732	12,237,565	648,732
22. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		83,949,021	113,411,750	83,949,021	113,411,750
23. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		430,471,617	(5,779,394,251)	430,471,617	(5,779,394,251)
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		86,094,323	-	86,094,323	-
25. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
24. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		344,377,294	(5,779,394,251)	344,377,294	(5,779,394,251)


Nguyễn Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởng

  
Trần Trọng Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2019

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 1**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**


Quý 1 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**MẪU SỐ B 03a-DNPNT**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	513,283,603,811	279,679,481,191
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(252,960,433,822)	(214,744,196,531)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(43,946,603,592)	(33,804,319,198)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(1,813,440,979)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7,342,978,164	12,912,015,604
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(24,506,387,475)	(22,505,891,286)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>199,213,157,086</b>	<b>19,723,648,801</b>
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(412,000,000)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(44,000,000,000)	(164,000,380,693)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	14,000,000,000	106,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(192,239,000,000)	(88,433,686,000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,332,150,896	315,930,796
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(221,318,849,104)</b>	<b>(146,118,135,897)</b>
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(79,546,608,317)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(79,546,608,317)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(22,105,692,018)</b>	<b>(205,941,095,413)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	107,917,551,189	288,666,117,694
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	(6,788,644)	7,240,194
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60-61)</b>	<b>70</b>	<b>85,805,070,527</b>	<b>82,732,262,475</b>


Nguyễn Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởng
  
Trần Trọng Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2019



**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDDC15/KDBH, từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là “Tổng Công ty”). Vốn điều lệ của Tổng Công ty Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 là 800 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 là 923 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 901 người).

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

**Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

**Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và ba mươi ba (33) Công ty trực thuộc, bao gồm: Công ty Bảo hiểm Hàng không Hà Nội, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đà Nẵng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nghệ An, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Phòng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Dương, Công ty Bảo hiểm Hàng không Tây Nguyên, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nam Hồng Hà, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thăng Long, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Ninh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Đô, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Bình, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bắc Giang, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thanh Hóa, Công ty Bảo hiểm Hàng không Vĩnh Phúc, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bình Định, và Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Nam Bộ, Công ty Bảo hiểm Hàng không Sài Gòn, Công ty Bảo hiểm Hàng không Khánh Hòa, Bảo hiểm Hàng không Nam Tây Nguyên, Bảo hiểm Hàng không Quảng Ngãi, Bảo hiểm Hàng không Thủ đô, Bảo hiểm Hàng không Tây Nam Bộ, Bảo hiểm Hàng không Tân Sơn Nhất, Bảo hiểm Hàng không Thành Đô, Bảo hiểm Hàng không Bến Thành, Bảo hiểm Hàng không Long An, Sở Giao dịch, Bảo hiểm Hàng không Tây Bắc, Bảo hiểm Hàng không Trảng An, Bảo hiểm Hàng không Hà Thành, Bảo hiểm Hàng không Vũng Tàu và Sở Giao dịch 2.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính Quý 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 1**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 50/2017/TT-BTC (“Thông tư 50”) hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm. Thông tư 50 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng các quy định tại Thông tư 50 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính Quý 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:  
**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giả, định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 1**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

***Các khoản đầu tư tài chính******Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 1**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành. Cụ thể như sau:

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left[ \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực} \\ \text{tế của các bên} \\ \text{tại tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở} \\ \text{hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã tính các khoản dự phòng dựa trên thông tin tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị này và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của các công ty này ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Tổng Công ty đã trích lập.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>2018</b>
	(Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ**

Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, Công văn số 2846/BTC-QLBH của Bộ Tài chính ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

*Dự phòng phí chưa được hưởng:*

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Dự phòng phí gốc, nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính.

*Dự phòng bồi thường:* Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

*Dự phòng dao động lớn:* Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

#### **Dự phòng bảo hiểm nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe**

- *Dự phòng toán học (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm)*

*Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 19 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018.*

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

*- Dự phòng phí chưa được hưởng (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn dưới 01 năm)*

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

*Dự phòng bồi thường:* Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Mức trích dự phòng đảm bảo cân đối được áp dụng là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

#### **Ký quỹ bảo hiểm**

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

#### **Ghi nhận doanh thu**

##### *Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc*

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm (áp dụng đối với kỳ thanh toán phí bảo hiểm đầu tiên hoặc thanh toán phí bảo hiểm một lần). Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) hoặc phí bảo hiểm đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần được hạch toán khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

##### *Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm*

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của bộ Tài chính.

#### **Đối với các hoạt động khác**

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

#### **Ghi nhận chi phí**

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của bộ Tài chính.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 1**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	2,864,676,085	2,962,961,913
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52,909,823,500	104,942,789,276
Tiền đang chuyển	30,570,942	11,800,000
Các khoản tương đương tiền (i)	30,000,000,000	-
	<b>85,805,070,527</b>	<b>107,917,551,189</b>

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư tại các ngân hàng thương mại trong nước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	454,641,792,800	(317,676,052)	441,279,708,427	(5,446,523,736)
<i>a) Chứng khoán kinh doanh</i>	<i>145,641,792,800</i>	<i>(317,676,052)</i>	<i>147,279,708,427</i>	<i>(5,446,523,736)</i>
- Tổng giá trị cổ phiếu	145,641,792,800	(317,676,052)	147,279,708,427	(5,446,523,736)
<i>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>309,000,000,000</i>	-	<i>294,000,000,000</i>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	309,000,000,000	-	294,000,000,000	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	566,724,681,850	(377,564,521)	359,485,681,850	(377,564,521)
<i>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>30,000,000,000</i>	-	<i>15,000,000,000</i>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (ii)	15,000,000,000	-	-	-
- Trái phiếu (iii)	15,000,000,000	-	15,000,000,000	-
<i>a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>270,960,681,850</i>	-	<i>92,540,000,000</i>	-
- Đầu tư vào công ty liên kết (iv)	233,970,681,850	-	55,550,000,000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác (v)	36,990,000,000	-	36,990,000,000	-
<i>b) Đầu tư dài hạn khác</i>	<i>265,764,000,000</i>	<i>(377,564,521)</i>	<i>251,945,681,850</i>	<i>(377,564,521)</i>
- Đầu tư mua cổ phiếu OTC (vi)	265,764,000,000	(377,564,521)	251,945,681,850	(377,564,521)

(i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.

(ii) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng tính từ ngày 31 tháng 03 năm 2019 tại các ngân hàng thương mại trong nước.

(iii) Thể hiện khoản mua trái phiếu niêm yết của ANBINHCITY với kỳ hạn 02 năm từ ngày 10/07/2018 đến ngày 10/07/2020.

(iv) Thể hiện khoản đầu tư góp vốn sau:

- Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp với số tiền: 55,550,000,000 VND tương đương tỷ lệ góp vốn 25% vốn điều lệ.

- Công ty CP Điện Cơ thông Nhất, số tiền 178.420.681.850 VND (tỷ lệ sở hữu tương đương 24,23% vốn điều lệ)

(v) Thể hiện các khoản góp vốn sau:

- Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô, số tiền 1.990.000.000 VND (tỷ lệ sở hữu tương đương 3,3% vốn điều lệ) với thời hạn nắm giữ trên 01 năm.

- Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Hàng không T&T, số tiền 35.000.000.000 VND (tỷ lệ sở hữu tương đương 5% vốn điều lệ).



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 1**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
a) Phải thu phí bảo hiểm gốc	46,820,180,559	56,951,160,154
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	44,558,902,443	54,689,882,038
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	2,261,278,116	2,261,278,116
b) Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	19,213,202,663	20,107,240,746
c) Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	71,510,921,359	73,100,392,384
d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	1,032,788,397	836,474,137
e) Phải thu khác	1,828,435,801	1,652,880,148
	<u>140,405,528,779</u>	<u>152,648,147,569</u>

**8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (i)	38,359,899,321	38,359,899,321
Phải thu lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng chưa đến ngày đáo hạn	14,600,169,796	10,318,362,966
Phải thu khác	1,042,573,776	679,315,068
	<u>54,002,642,893</u>	<u>49,357,577,355</u>

(i) Thể hiện khoản gốc và lãi phải thu của khoản đầu tư trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long, trái phiếu có thời hạn 3 năm, bắt đầu từ ngày 19 tháng 10 năm 2009 và đáo hạn vào ngày 19 tháng 10 năm 2012. Tổng mệnh giá ban đầu của số trái phiếu này là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019, Tổng Công ty chưa thu hồi được khoản tiền gốc và lãi của khoản đầu tư trên với giá trị lần lượt là 21.948.415.169 VND và 16.411.484.152 VND. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 1**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>334,546,521,118</b>	<b>480,750,919,639</b>
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	113,896,331	72,546,531
Tạm ứng	14,539,707,595	1,992,512,272
Phải thu ngắn hạn khác	319,892,917,192	478,685,860,836
- Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử T&T (i)	103,863,013,698	100,000,000,000
- Ông Nguyễn Anh Dũng		171,250,000,000
- Công ty cổ phần XNK Thủ công Mỹ Nghệ (ii)	212,919,178,082	205,000,000,000
- Khác	3,110,725,412	2,435,860,836
<b>b) Dài hạn</b>	<b>11,017,068,124</b>	<b>11,266,790,174</b>
Ký quỹ bảo hiểm	7,000,000,000	7,000,000,000
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	4,017,068,124	4,266,790,174
	<b>345,563,589,242</b>	<b>492,017,709,813</b>

(i) Thể hiện khoản tiền 100.000.000.000 VND đã chuyển cho Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử T&T theo Hợp đồng Hợp tác hợp tác kinh doanh khai thác “ Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà ở và dịch vụ thương mại” số 01/2018/HĐHT/CKĐT-VNI và các phụ lục gia hạn giữa Công ty Cổ phần cơ khí Điện tử T&T và Tổng Công ty, có thời hạn đến ngày 31 tháng 5 năm 2019. Theo điều khoản hợp đồng và các phụ lục kèm theo, lợi nhuận hợp tác được căn cứ vào tình hình triển khai và khai thác dự án thực tế nhưng Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử T&T đảm bảo mức chi trả lợi nhuận hợp tác tối thiểu theo thỏa thuận tính trên số tiền hợp tác và trên số ngày thực tế mà Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử T&T nắm giữ số tiền hợp tác do Tổng Công ty chuyển. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019, Tổng Công ty đang ghi nhận lợi nhuận hợp tác ước tính vào doanh thu tài chính trong kỳ dựa trên mức lợi nhuận hợp tác tối thiểu theo thỏa thuận với số tiền là 3.863.013.698 VND.

(ii) Phản ánh khoản đặt cọc và lợi nhuận ước tính trong kỳ theo thỏa thuận tìm kiếm mặt bằng với Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu Thủ công Mỹ nghệ đến ngày 31 tháng 03 năm 2019 theo Hợp đồng số 01/2018/TTĐC/VNI-ARTEXPOR ngày 10 tháng 9 năm 2018 và phụ lục gia hạn hạn đến ngày 10 tháng 9 năm 2019. Theo thỏa thuận, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ sẽ thay mặt cho Tổng Công ty tìm kiếm trụ sở làm văn phòng. Trong trường hợp 2 bên thống nhất chấm dứt Thỏa thuận khi chưa hết thời hạn hiệu lực hoặc hết hạn hiệu lực nhưng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ chưa tìm được mặt bằng theo yêu cầu của Tổng Công ty, Tổng Công ty sẽ được hưởng chi phí cơ hội theo thỏa thuận trên số tiền đảm bảo này tương ứng thời gian Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ thực tế nắm giữ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MÃU SỐ B 09a-DNPNT**

	31/03/2019		31/12/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>10. NỢ XẤU</b>				
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	43,773,751,455	37,701,245,447	43,460,771,335	37,549,177,107
Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	38,359,899,321	33,272,401,590	38,359,899,321	33,272,401,590
Các đối tượng khác	5,413,852,134	4,428,843,857	5,100,872,014	4,276,775,517

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 31 tháng 03 năm 2019:

Nội dung	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm		Từ 1 năm đến dưới 2 năm		Từ 2 năm đến dưới 3 năm		Từ 3 năm trở lên		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Phí bảo hiểm gốc	1,086,681,953	291,243,456	291,243,456	262,363,939	3,773,562,786	5,413,852,134			
<b>Cộng</b>	<b>1,086,681,953</b>	<b>291,243,456</b>	<b>291,243,456</b>	<b>262,363,939</b>	<b>3,773,562,786</b>	<b>5,413,852,134</b>			

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019, Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</b>		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	19,196,393,606	16,259,042,027
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong kỳ/năm	4,126,237,950	4,436,678,262
- Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	4,373,573,796	3,504,996,259
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	<u>18,949,057,760</u>	<u>17,190,724,030</u>
<b>2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác</b>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1,337,931,083	1,234,302,294
	<u>20,286,988,843</u>	<u>20,430,695,900</u>

**12. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	129,054,847,810	137,684,464,202
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	212,739,911,331	209,984,455,809
	<u>341,794,759,141</u>	<u>347,668,920,011</u>

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Phương tiện vận tải</u> VND	<u>Thiết bị văn phòng</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	10,084,549,828	11,823,805,455	21,908,355,283
Mua sắm mới	-	412,000,000	412,000,000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>10,084,549,828</u>	<u>12,235,805,455</u>	<u>22,320,355,283</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	5,874,656,637	10,833,350,154	16,708,006,791
Trích khấu hao	236,340,945	183,218,730	419,559,675
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>6,110,997,582</u>	<u>11,016,568,884</u>	<u>17,127,566,466</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu kỳ	4,209,893,191	990,455,301	5,200,348,492
Tại ngày cuối kỳ	<u>3,973,552,246</u>	<u>1,219,236,571</u>	<u>5,192,788,817</u>

Đơn vị: VND

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị: VND

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu kỳ	1,750,350,000	1,750,350,000
Số dư cuối kỳ	1,750,350,000	1,750,350,000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu kỳ	1,388,827,425	1,388,827,425
Trích khấu hao	28,356,210	57,027,489
Số dư cuối kỳ	1,417,183,635	1,417,183,635
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu kỳ	361,522,575	361,522,575
Tại ngày cuối kỳ	333,166,365	333,166,365

**15. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>119,308,503,746</b>	<b>126,612,491,135</b>
Công ty Willis Singapore	54,132,293,231	40,956,864,539
Công ty Korean Re	18,031,459,272	28,093,983,817
AON Benfield Asia PTE Ltd	17,585,172,694	28,672,662,713
Các khoản phải trả công ty nhận tái bảo hiểm khác	29,559,578,549	28,888,980,066
<b>b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm</b>	<b>4,826,797,708</b>	<b>4,099,806,235</b>
<b>c) Phải trả bồi thường bảo hiểm</b>	<b>26,063,715,611</b>	<b>27,389,873,391</b>
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam	12,967,229,046	12,577,717,068
Các khoản phải trả khách hàng khác	13,096,486,565	14,812,156,323
<b>d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm</b>	<b>3,033,935,077</b>	<b>2,913,818,677</b>
<b>e) Phải trả khác</b>	<b>8,552,128,200</b>	<b>2,110,265,737</b>
	<b>161,785,080,342</b>	<b>163,126,255,175</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 1**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	81,200,795
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>81,200,795</b>

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>b. Các khoản phải nộp</b>		
Thuế GTGT	10,448,973,439	8,143,325,070
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,893,528	-
Thuế thu nhập cá nhân	314,517,988	304,685,534
Thuế nhà thầu nước ngoài	39,911,818	-
Thuế, phí phải nộp khác	108,554,766	138,106,067
	<b>10,916,851,539</b>	<b>8,586,116,671</b>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	Quý 1 năm 2019	Quý 1 năm 2018
	VND	VND
<b>1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng</b>		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	37,375,138,555	24,685,533,444
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong kỳ/năm	4,158,797,417	7,689,552,902
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong kỳ/năm	(7,082,664,437)	(4,837,542,528)
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	<b>34,451,271,535</b>	<b>27,537,543,818</b>
<b>2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải trả bảo hiểm xã hội	97,681,900	13,603,853
Phải trả bảo hiểm y tế	15,978,666	8,377,979
Phải trả kinh phí công đoàn	862,326,606	689,444,682
Phải trả các cổ đông	214,413,900	214,413,900
Phải trả khác	4,335,098,115	1,612,590,862
	<b>5,525,499,187</b>	<b>2,538,431,276</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

Đơn vị: VND

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí, dự phòng toán học chưa được hưởng	Số cuối kỳ		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
<b>1. Dự phòng bồi thường</b>	<b>368,485,926,797</b>	<b>212,739,911,331</b>	<b>155,746,015,466</b>
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	338,747,704,736	205,242,477,712	133,505,227,024
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	29,738,222,061	7,497,433,619	22,240,788,442
<b>2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học</b>	<b>502,940,999,268</b>	<b>129,054,847,810</b>	<b>373,886,151,458</b>
<b>Cộng</b>	<b>871,426,926,065</b>	<b>341,794,759,141</b>	<b>529,632,166,924</b>

Trong đó chi tiết:

1. Dự phòng bồi thường	Kỳ này		
	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	348,437,391,535	209,984,455,809	138,452,935,726
Số trích lập trong kỳ	20,048,535,262	2,755,455,522	17,293,079,740
Số dư cuối kỳ	<b>368,485,926,797</b>	<b>212,739,911,331</b>	<b>155,746,015,466</b>

2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	Kỳ này		
	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	474,311,275,860	137,684,464,202	336,626,811,658
Số trích lập trong kỳ	28,629,723,408	(8,629,616,392)	37,259,339,800
Số dư cuối kỳ	<b>502,940,999,268</b>	<b>129,054,847,810</b>	<b>373,886,151,458</b>

**3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối**

	Quý 1 năm 2019	Quý 1 năm 2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	46,327,473,869	39,630,673,870
Số trích lập thêm trong kỳ	2,159,676,551	1,405,837,286
Số dư cuối kỳ	<b>48,487,150,420</b>	<b>41,036,511,156</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2018	800,000,000,000	10,985,112,079	15,232,765,530	826,217,877,609
Tăng vốn trong kỳ				
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	5,574,560,670	5,574,560,670
Trích quỹ dự trữ bắt buộc		278,728,033	(278,728,033)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(432,765,530)	(432,765,530)
Chi trả cổ tức cho cổ đông	-	-	(14,800,000,000)	(14,800,000,000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2018</b>	<b>800,000,000,000</b>	<b>11,263,840,112</b>	<b>5,295,832,637</b>	<b>816,559,672,749</b>
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2019	800,000,000,000	11,263,840,112	5,295,832,637	816,559,672,749
Lợi nhuận/(Lỗ) trong kỳ	-	-	344,377,294	344,377,294
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	21,523,581	(21,523,581)	-
<b>Số dư tại ngày 31/03/2019</b>	<b>800,000,000,000</b>	<b>11,285,363,693</b>	<b>5,618,686,350</b>	<b>816,904,050,043</b>

**Chi tiết nguồn vốn kinh doanh**

	Vốn góp tại ngày cuối kỳ		Vốn góp tại ngày đầu kỳ	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần HUM	-	0%	-	0%
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	-	0%	-	0%
Ông Phạm Ngọc Lâm	45,000,000,000	6%	45,000,000,000	6%
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hà Nội	72,000,000,000	9%	72,000,000,000	9%
Cổ đông khác	683,000,000,000	85%	683,000,000,000	85%
	<b>800,000,000,000</b>	<b>100%</b>	<b>800,000,000,000</b>	<b>100%</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 1**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2019</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phí bảo hiểm gốc</b>	<b>256,579,918,568</b>	<b>195,288,455,549</b>
Bảo hiểm hàng không	168,677,500	12,128,935,934
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	8,921,462,638	6,598,914,580
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	14,145,084,530	10,080,321,568
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	8,961,284,207	6,213,025,244
Bảo hiểm xe cơ giới	186,403,066,424	149,026,025,881
Bảo hiểm cháy nổ	20,320,928,393	8,920,654,486
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	16,939,168,747	1,382,771,300
Bảo hiểm trách nhiệm chung	687,851,312	870,226,062
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	32,394,817	67,580,494
<b>Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc</b>	<b>(28,372,326)</b>	<b>(56,344,646)</b>
<b>Phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>2,295,817,021</b>	<b>5,991,661,343</b>
Bảo hiểm hàng không	-	-
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	-	3,841,349,771
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	1,593,876,328	1,166,134,556
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	-	105,292,226
Bảo hiểm xe cơ giới	2,850,000	-
Bảo hiểm cháy nổ	396,999,238	313,019,580
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	301,473,812	562,317,251
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	617,643	3,547,959
<b>Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>-</b>	<b>(884,909)</b>
<b>(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>(28,629,723,408)</b>	<b>(30,942,383,551)</b>
	<b>230,217,639,855</b>	<b>170,280,503,786</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2019	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 1/2018
	VND	VND
<b>Tổng phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>42,879,703,553</b>	<b>60,639,154,425</b>
Bảo hiểm hàng không	156,719,629	12,242,678,357
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	6,670,000	-
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	9,053,837,647	6,602,822,270
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	5,120,673,729	3,685,582,125
Bảo hiểm xe cơ giới	2,081,461,764	29,780,652,993
Bảo hiểm cháy nổ	16,163,027,025	7,578,060,935
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	10,151,860,924	639,949,264
Bảo hiểm trách nhiệm chung	121,746,817	51,990,970
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	23,706,018	57,417,511
<b>(Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>8,629,616,392</b>	<b>(8,153,094,013)</b>
	<b>51,509,319,945</b>	<b>52,486,060,412</b>

**22. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2019	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 1/2018
	VND	VND
<b>Tổng chi bồi thường</b>	<b>68,718,765,988</b>	<b>55,421,177,973</b>
Bảo hiểm hàng không	70,568,000	6,340,927,182
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	3,883,641,814	5,032,706,473
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	1,162,307,816	1,358,710,622
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	533,391,945	383,486,203
Bảo hiểm xe cơ giới	59,541,536,815	38,496,647,351
Bảo hiểm cháy nổ	3,356,854,693	3,026,043,111
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	170,464,905	548,098,401
Bảo hiểm trách nhiệm chung	-	234,558,630
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	-	-
<b>Chi phí giám định tổn thất</b>		
<b>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(21,140,949,295)</b>	<b>(19,419,576,915)</b>
<b>Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>20,048,535,262</b>	<b>13,725,434,844</b>
<b>(Tăng)/Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(2,755,455,522)</b>	<b>1,474,307,296</b>
	<b>64,870,896,433</b>	<b>51,201,343,198</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2019	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 1/2018 (Phân loại lại)
	VND	VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	8,874,564,892	8,052,075,546
Chi đòi người thứ ba	-	-
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	144,682,146	409,090,909
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	-	94,771,232
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	962,779,511	745,094,145
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	71,546,069,245	44,257,783,388
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác bảo hiểm	32,694,348,479	22,176,810,074
Chi khác	123,742,852	42,080,817
	<b>114,346,187,125</b>	<b>75,777,706,111</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2019	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 1/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5,613,957,226	7,637,127,497
Lãi đầu tư trái phiếu	351,369,863	-
Lãi kinh doanh chứng khoán	948,005,149	4,216,643,273
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	37,855,457	19,842,947
Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	11,782,192,280	3,769,863,013
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	567,123,288
	<b>18,733,379,975</b>	<b>16,210,600,018</b>

**25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2019	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 1/2018
	VND	VND
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(5,128,847,684)	1,084,051,411
Chi phí kinh doanh chứng khoán	2,842,926,220	746,385,918
Chi phí lãi vay	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	18,243,006	10,467,328
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	75,271,891
	<b>-2,267,678,458</b>	<b>1,916,176,548</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2019	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 1/2018 (Phân loại lại)
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý, chi có tính chất phúc lợi	20,330,522,679	13,084,123,016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,920,609,413	5,766,652,371
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	152,068,340	69,052,511
Chi phí khấu hao tài sản cố định	447,915,885	473,313,598
Chi phí dụng cụ văn phòng	2,633,535,217	3,074,476,459
Chi phí vật liệu quản lý	102,867,850	111,284,200
Thuế, phí và lệ phí	194,342,132	196,009,679
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	107,926,666	341,000
Chi phí quản lý khác	76,807,903	264,341,667
	<b>30,966,596,085</b>	<b>23,039,594,501</b>

**27. SỐ LIỆU SO SÁNH**


Số liệu so sánh của Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, các thuyết minh tương ứng là số liệu từ báo cáo tài chính Quý 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được Tổng Công ty phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ trước		
		Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
1. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17	78,995,492,011	(3,217,785,900)	75,777,706,111
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	70,943,416,465	(3,217,785,900)	67,725,630,565
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19,821,808,601	3,217,785,900	23,039,594,501


Nguyễn Thị Quỳnh Trang  
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởng

  
Trần Trọng Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2019